

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HIỆN THỰC TRONG *THÁNH TÔNG DI THẢO*

Ngô Thị Thanh Nga*, Vi Hồng Chiêm

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài viết đề cập đến hai vấn đề hiện thực trong tác phẩm *Thánh Tông di thảo* (tương truyền của Lê Thánh Tông): người phụ nữ và những tiêu cực trong xã hội. Đây là hai vấn đề khá tiêu biểu của tác phẩm và có tính chất “đột khởi” trong văn học đương thời. Bài viết sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính là phân tích tác phẩm văn học và so sánh. Phương pháp phân tích tác phẩm văn học được sử dụng nhằm làm sáng rõ một số vấn đề hiện thực mà tác giả Lê Thánh Tông đã đề cập đến trong tác phẩm và phương pháp so sánh được dùng để so sánh các vấn đề hiện thực trong tác phẩm *Thánh Tông di thảo* mà bài báo đề cập với các vấn đề hiện thực trong văn học giai đoạn trước và giai đoạn sau khi tác phẩm xuất hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thứ nhất, vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ đã bước đầu được nhà văn quan tâm; thứ hai, các tệ trạng trong xã hội như: tranh giành quyền lực, tham lam, ích kỷ,... trong một chừng mực nhất định đã được nhà văn phơi bày. Qua đó, bài viết góp thêm một tiếng nói về tính chất mở đầu cũng như giá trị nhân đạo của *Thánh Tông di thảo* qua nội dung hiện thực mà tác phẩm phản ánh.

Từ khóa: *Thánh Tông di thảo; vấn đề; hiện thực; phụ nữ; tiêu cực.*

Ngày nhận bài: 15/9/2020; Ngày hoàn thiện: 04/12/2020; Ngày đăng: 05/12/2020

SOME ISSUES OF REALITY IN *THANH TONG DI THAO*

Ngo Thi Thanh Nga*, Vi Hong Chiem

TNU - University of Education

ABSTRACT

This article mentions a couple of realism issues such as: the women issue and societally negative problems in *Thanh Tong di thao* work that was supposedly written by Le Thanh Tong. These two aspects are fairly typical in the work, which represent major “breakthrough” in the contemporary literature. The main research methods of the article are literary analysis and comparativeness. The first method is used to analyze the realism issues that the author Le Thanh Tong presented in the work. The second method is to compare those issues with the literature before and after the work’s arrival. The research results show that, firstly, the beauty and fate of the woman was initially interested by the writer; secondly, the bad states in society such as power struggle, greed, selfishness,... to a certain extent were exposed by the writer. Thereby, this article contributes to the understanding of humanitarian value as well as the innovativeness of *Thanh Tong di thao* through the realistic content that the work reflects.

Keywords: *Thanh Tong di thao; issue; reality; woman; negative.*

Received: 15/9/2020; Revised: 04/12/2020; Published: 05/12/2020

* Corresponding author. Email: vanthanthanhnga@gmail.com

1. Giới thiệu

Tác phẩm *Thánh Tông di thảo* có thể coi là tác phẩm mở đầu cho tiến trình phát triển của thể loại truyện truyền kỳ Việt Nam. Trong tác phẩm này, Lê Thánh Tông đã bước đầu quan tâm và thể hiện những vấn đề của con người trong thực tiễn cuộc sống. Đây là một trong những điều mới mẻ trong văn xuôi tự sự nói riêng và trong văn học Việt Nam trung đại nói chung, nhưng cho đến nay chưa có một công trình nào đề cập đến. Chính vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu vấn đề hiện thực mà tác phẩm phản ánh trên hai khía cạnh cơ bản, những vấn đề về người phụ nữ cũng như thực trạng xã hội. Những vấn đề này đã được Lê Thánh Tông nhìn nhận một cách khá mới mẻ và giàu tính hiện thực, đồng thời thể hiện được tấm lòng nhân đạo cũng như tư tưởng của tác giả.

2. Phương pháp nghiên cứu, nguồn tư liệu

Đối tượng nghiên cứu chính của bài viết này là phân tích một số vấn đề hiện thực trong tác phẩm *Thánh Tông di thảo*. Chính vì thế phương pháp nghiên cứu chính mà chúng tôi sử dụng trong bài viết là phương pháp phân tích tác phẩm văn học và phương pháp so sánh. Phương pháp phân tích tác phẩm văn học nhằm làm sáng rõ các vấn đề hiện thực mà tác giả Lê Thánh Tông đã đề cập đến trong tác phẩm và phương pháp so sánh nhằm so sánh với các vấn đề hiện thực trong tác phẩm *Thánh Tông di thảo* mà bài báo đề cập với các vấn đề hiện thực trong văn học giai đoạn trước và giai đoạn sau khi tác phẩm ra đời. Chúng tôi tiến hành phân tích trên nguồn ngữ liệu cơ bản là tác phẩm *Thánh Tông di thảo* (trưng truyền của nhà vua Lê Thánh Tông), Nhà xuất bản Văn hóa, 1963.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Bước đầu phản ánh vấn đề người phụ nữ

Hình tượng người phụ nữ trở thành đề tài, chủ đề phổ biến trong văn chương. Ngay từ những tác phẩm văn học dân gian, người phụ nữ bước ra từ trang sách chân thực, sâu sắc với

thân phận bất hạnh, khổ đau, bị chà đạp nhưng ở họ vẫn ngời sáng phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Tuy nhiên trong văn học viết ở những thế kỷ đầu của kỷ nguyên độc lập do yếu tố lịch sử nên nhân vật phụ nữ với những khao khát đời thường ít được thể hiện trong văn học. Ở những thế kỷ này, nhân vật được đề cập đến trong các tác phẩm như *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái* hay *Thiên uyển tập anh*,... thường là “những nhân vật chức năng theo hai xu hướng tôn giáo và tín ngưỡng” [1, tr.24]. Những nhân vật ấy có tác động đến lịch sử dân tộc và lịch sử dân tộc ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, đó là: “tất cả những gì liên quan đến đời sống của người Việt. Bởi muốn tôn vinh công đức và tài trí, sức mạnh và sự diệu kỳ của nhân vật, tác giả của chúng bằng mọi cách đã thần thánh họ, đặt họ vào nơi miếu điện linh thiêng hoặc trong những phù đồ nghiêm cẩn, khiến nhân vật của tác phẩm vốn là những con người thường nhật, nay mất đi những gì đời thường nhất và trở thành cái “cao cao tại thượng” cho mọi người cúng thờ và bái tượng” [2, tr.35]. Đến thế kỷ XV khi đất nước đã bước vào thời kỳ ổn định, vấn đề con người của đời sống thường nhật được văn học quan tâm nhiều hơn, trong đó có người phụ nữ. Với thể loại văn xuôi tự sự, trong đó có truyện kỳ, *Thánh Tông di thảo* có thể coi là tác phẩm đầu tiên mà ngòi bút của tác giả đã hướng đến việc phản ánh vấn đề người phụ nữ trong xã hội. Với đặc điểm của thể loại truyện kỳ, hình tượng người phụ nữ hiện lên khá phong phú, sinh động.

Qua thống kê của chúng tôi, trong *Thánh Tông di thảo* có 05/19 truyện viết về đề tài người phụ nữ, chiếm tỉ lệ 26,3%. Nhân vật người phụ nữ có thể là người như con dâu nhà thuyền chài (*Truyện lạ nhà thuyền chài*), là nữ yêu (*Truyện yêu nữ Châu Mai*), là thần (vợ thần núi Đông Ngưu (*Truyện hai gái thần*), là nữ chúa Bướm (*Truyện duyên lạ nước hoa*) nhưng nhìn chung họ hiện lên trong tác phẩm thật đáng yêu và đáng trọng vì vẻ đẹp của họ,

đặc biệt là vẻ đẹp tâm hồn, đồng thời tác giả cũng “bước đầu thể hiện vị trí cũng như khát vọng rất riêng tư của họ trong đời sống hiện thực” [3, tr.54].

Nhân vật Ngư Nương trong truyện *Yêu nữ Châu Mai* vốn là một nữ yêu tinh. Nàng biến hiện thành nhiều hình quái gở và bị xua đuổi. Sau đó, Ngư Nương biến thành người con gái xinh đẹp, trú nhờ một gánh hát. Nàng hát hay múa đẹp nhưng từ chối các khách làng chơi cho dù bị chủ nhà hát dỗ dành hay dọa dẫm. Có thể nói đây là nhân phẩm tốt đẹp mà tác giả muốn ngợi ca ở người phụ nữ này. Trong một lần, có một người khách đến nhà hát trong dáng vẻ tiêu tụy, quần áo mộc mạc tên là Lương Nhân, cô gái bước ra nhận mặt và đó chính là “*lang quân*” của nàng. Hóa ra “*Ngư Nương và Lương Nhân nguyên cùng nhau có duyên Châu Trần, khi chết hồn vẫn không tan, lâu ngày thành yêu, đến bây giờ lại làm vợ chồng*” [4, tr.26]. Qua lời bình của Sơn Nam Thúc, người đọc thấy được tấm lòng thủy chung son sắt của Ngư Nương và Lương Nhân, đặc biệt là tác giả ngợi ca tấm lòng son sắt của Ngư Nương qua việc nàng trú nhờ gánh hát để chờ cơ hội gặp lại đức lang quân của mình. Bên cạnh đó, tác giả cũng khắc họa bi kịch tình yêu bị chia cắt của Ngư Nương và Lương Nhân đến khi chết mà hồn vẫn không được siêu thoát. Quả thực Ngư Nương là hiện thân của phụ nữ có số phận bất hạnh, đáng thương nhưng có phẩm chất tốt đẹp.

Trong *Truyện hai gái thần*, người phụ nữ có xuất thân đầy bí ẩn, xinh đẹp nhưng lại có số phận đáng thương cũng được Lê Thánh Tông mô tả khá cụ thể. Ngay từ nhan đề, truyện đã đề cập đến đề tài người phụ nữ và mang đậm màu sắc thần kỳ thu hút sự chú ý của người đọc. Câu chuyện bắt đầu bằng hình ảnh hai người phụ nữ một già, một trẻ có hành tung bí ẩn. Ban ngày họ làm nghề bói toán ở chợ, ban đêm không ai biết họ ở đâu, chỉ biết tiền họ kiếm được nhờ bói toán đều cho những người nghèo khổ ở chợ. Còn ai cố tình dò la chỗ ở, tìm cách đi theo họ thì chỉ cần đi một đoạn đã

thấy chóng mặt phải quay về. Sở dĩ họ được mọi người chú ý là bởi vẻ ngoài nổi bật và có phần kì lạ của họ. Đó là: “*Nhìn kỹ hình dung thì thấy một người ước ngoài bốn mươi, tóc xanh đã điểm sương trắng, mặt ngọc đã nhạt màu hồng, nhưng cái vẻ phương phi thủy mị còn đủ làm cho thiên hạ siêu lòng. Còn cô gái trẻ thì đương tuổi cập kê, mặt hoa da tuyết.*” [4, tr.37].

Qua miêu tả của tác giả, vẻ đẹp của hai người phụ nữ trong truyện hiện lên có phần bí ẩn song cũng vô cùng quyến rũ và xinh đẹp. Ngoài vẻ đẹp ngoại hình, tác giả còn khai thác vẻ đẹp nội tâm cùng những ẩn ức của họ. Tác giả đã đề cập đến lý do mà họ đến trần gian. Người phụ nữ có tuổi là cháu dâu Long Vương đi tìm con trai để báo thù cho cha nhưng đã lâu không có tin tức. Còn người phụ nữ trẻ vừa lau nước mắt vừa kể là vợ sơn thần Đông Ngự đi báo thù cho mẹ đã lâu mà không rõ tin tức. Nhà nho nghe kể, bằng hiểu biết của vị công thần ông đã tìm ra hai người mà họ cần tìm nhưng cả hai đều đã chết. Người thiếu nữ nghe chuyện “*đang buồn hóa tươi, mỉm cười nói rằng: “Vợ đi, chồng lại về/ Tìm nhau như Sâm Thương/ Biết lòng ông thần núi/ Vì thiếp phải vội vàng*” [4, tr.42].

Câu chuyện của họ để lại nỗi cảm thương cho mọi người. Có thể nói dù họ xuất thân thần kì nhưng họ đều là những người phụ nữ đáng thương. Một người đi tìm con, một người đi tìm chồng. Họ cất công giấu hành tung, hành nghề bói toán để có ngày được đoàn tụ sum họp cùng chồng, cùng con. Nhưng kết cục thật đáng buồn, họ đều bị dập tắt hi vọng đoàn viên, bởi cả chồng và con của họ đều đã chết. Song điều tạo ra nhiều thiện cảm đối với người đọc ở hình tượng hai người phụ nữ này chính là phẩm chất tốt đẹp của họ. Đó là hình ảnh người mẹ thương con, thấm đượm tình mẫu tử. Đó là người vợ thủy chung, son sắt luôn chờ chồng và vượt gian khó để tìm chồng. Qua cách kể chuyện, cách sử dụng từ ngữ, cách miêu tả chân thực của tác giả,

người đọc cảm nhận sự đồng cảm, thấu hiểu sâu sắc đối với hai người phụ nữ đáng thương trong truyện. Đó chính là xuất phát từ tấm lòng nhân đạo của nhà văn.

Tương tự *Truyện chồng dê* trong tác phẩm *Thánh Tông di thảo* cũng đưa người đọc đến với người phụ nữ có số phận đáng thương nhưng có phẩm chất tốt đẹp. Nhà nọ có hai chị em, người em đi lấy chồng, mẹ mất, một mình nàng phải ở vậy để thờ cúng mẹ suốt ba năm. “*Tin nhận rất nhiều nhưng cô ta đều khước từ, vì nhà không có ai trông coi và không thể đội tang phục đi lấy chồng được*” [4, tr.100]. Qua lời kể của tác giả, người đọc thấy được cô gái trong truyện xinh đẹp, nét na, có phẩm chất hiếu thảo. “*Thường mỗi ngày hai buổi cúng cơm, khóc lóc thảm thiết. Tuần trăm ngày cũng thế, ngày giỗ đầu và ngày giỗ hết tang cũng gào khóc như thế. Tiếng khan, người gầy, ai nghe tiếng hoặc trông thấy đáng, đều khen là người có hiếu*” [4, tr.100]. Những chi tiết khắc họa hình ảnh cô gái đau xót khi mẹ không còn càng làm nổi bật nhân phẩm tốt đẹp của cô, đó là lòng hiếu thảo. Cô nghĩ: “*ngày tháng thoi đưa, phút chốc mẹ đã khuất mặt vắng lời, chỉ thấy cỏ xanh một nắm, không biết linh hồn nương tựa vào đâu? Đau đớn biết đường nào? Lại nghĩ: Năm nay mình đã hai mươi một tuổi rồi, con gái khó lòng ở một mình, vườn xuân rồi sẽ có chủ, thì ngày này năm sau, biết ai là người ra mộ cúng bái? Thương cảm xiết bao!...*” [4, tr.100]. Cô gái mang nét đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam thật đáng trân trọng. Tuy vậy cô gái vẫn chịu thân phận cô đơn, đáng thương. Mẹ không còn, em đi lấy chồng, cô gái chỉ còn lại một mình. Khi nghĩ đến những tháng ngày trước mặt, cô càng thêm buồn tủi. Sau này, cô gặp một con dê lông trắng và dê đã theo cô về nhà. Một thời gian sau, một đêm dê hóa thành chàng trai. Cô và chàng trai do dê hóa thành đã trở thành vợ chồng. Tình cảm của họ vô cùng mặn nồng, thấm thiết. Người chồng Dê của nàng vốn là người đánh xe cho Ngọc hoàng, không may

phạm lỗi, Ngọc hoàng nổi giận, đày xuống trần gian mười năm, hết hạn mới được phục chức. Ban ngày dê trở lại nguyên hình, đến đêm mới biến thành chàng trai với vẻ ngoài đẹp đẽ đến cả “*Tổng Ngọc vin hoa, Phan Lang ném quả cũng không sánh kịp*” [4, tr.101]. Hạnh phúc kéo dài chưa được bao lâu, dê được Ngọc hoàng xá tội cho phép trở về phục chức. Hai người chia tay trong nước mắt. Cô gái đau đớn, gieo mình vào lòng chàng trai hơi thở thoi thóp. Chàng để lại lời khấn cho nàng rồi để lại viên thuốc. Cô gái tiễn biệt chồng trong đau đớn, nghẹn ngào nước mắt. Sau bốn tháng, nàng ốm và không qua khỏi. Đến hôm đưa đám trong quan tài có tiếng nhảy nhót, mọi người mở ra xem thì nhìn thấy một con ngỗng vàng mỏ ngậm cành hoa bay lên trời. Có thể nói dù cuối cùng, cô gái chết và biến thành ngỗng, sau đó bay về trời để đoàn tụ cùng người chồng dê nhưng hạnh phúc ở nơi trần gian đến với cô gái thật ngắn ngủi, mong manh.

Trong *Truyện lạ nhà thuyền chài*, tác giả lại tập trung khắc họa hình tượng người phụ nữ có xuất thân thần kì. Đó là Ngọa Vân “*một nàng hải tiên ở đảo áp, lại đi làm dâu một nhà thuyền chài ở biển Đông... Thế mà ngoi lặn hụp hơi, đuổi cá ngon vào trong chài lưới, chỉ bốn năm trở nên giàu. Đến khi gặp con nguy biến, đem thân can song cho nhà chồng. Lại sợ để tai vạ cho cha mẹ, phải tự cắt đứt tình ái vợ chồng, bi ca oán hận, hiếu nghĩa vẹn cả đôi đường*” [4, tr.83]. Như vậy dù là người phụ nữ có phép thần thông biến hóa nhưng cũng không tài nào thắng được số mệnh. Hạnh phúc của nàng cũng thật ngắn ngủi! Vì số mệnh nên nàng phải cắt đứt mối duyên với chồng. Số phận bất hạnh là vậy nhưng Ngọa Vân vẫn ngời sáng phẩm chất của người con dâu hiếu nghĩa với cha mẹ và vẹn tình với chồng. Đây là vẻ đẹp đáng trân trọng, ngợi ca của người phụ nữ giống như lời bình của Sơn Nam Thúc ở cuối truyện: “*Thế gian làm gì có người con dâu như thế! Kìa những kẻ cậy giàu sang mà khinh rẻ bố mẹ*

chồng, chả hóa người mà lại không bằng cá ru!” [4, tr.83]. Đây quả là những lời bình sắc sảo, ngắn gọn mà chứa đựng nhiều ý nghĩa.

Truyện *Duyên lạ nước hoa* là truyện nối tiếp hình tượng nhân vật người phụ nữ có xuất thân thần kì. Chàng Chu sinh nghèo nằm mộng mình đến vương quốc hoa và kết duyên cùng công chúa Mộng Trang. Nàng có dung nhan tuyệt vời: “*tuyệt hờn thua trắng, ngọc thẹn kém trong, ngón tay búp măng thon thon, hàm răng hạt bầu nho nhỏ. Nếu không là gái dưới trăng Dao Đài, thì cũng là tiên trên núi Quần Ngọc, trần gian làm gì có người như vậy?*” [4, tr.58]. Lại một lần nữa tác giả dùng thiên nhiên để làm thước đo cho vẻ đẹp của con người. Chỉ cần vài nét phác họa, với thủ pháp so sánh, ước lệ quen thuộc trong văn học trung đại, tác giả đã khắc họa được chân dung tuyệt vời của công chúa xứ hoa. Chỉ cần như vậy thôi, người đọc cũng đủ hình dung ra vẻ xinh đẹp của nàng Mộng Trang. Dù vậy, hạnh phúc của Mộng Trang kéo dài chưa bao lâu. Vương quốc hoa gặp nạn. Vì không muốn để Chu sinh bị liên lụy, Mộng Trang quyết định từ bỏ hạnh phúc ngắn ngủi của mình. Hành động của nàng đã thể hiện sự hi sinh cao đẹp vì người khác thật đáng để người đời trân trọng và ngợi ca!

Dưới cái nhìn của tác giả Lê Thánh Tông, hình tượng người phụ nữ bước đầu được thể hiện bằng ngòi bút chân thực, sâu sắc. Lê Thánh Tông là người mở đầu cho hàng loạt tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ thời phong kiến. Nhà văn đã quan tâm đến số phận, bi kịch của nhân vật đằng sau lớp màn thần kì khiến câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn. Các truyện đã thể hiện được ngòi bút sáng tạo của Lê Thánh Tông. Truyện có cốt truyện, có tình tiết, có sự việc, ngôn ngữ kết hợp với hành động góp phần thể hiện nội tâm nhân vật khá rõ nét. Đây cũng là điểm mới hấp dẫn ở văn xuôi tự sự thời trung đại so với các thời kì trước. Những truyện của Lê Thánh Tông còn có dấu ấn của cốt truyện cổ tích dân

gian như *Truyện chồng dê* nhưng nhà văn đã tập trung đề cao con người, lấy con người làm trung tâm, đề cao khát vọng sống, khát vọng được hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội xưa. Tất cả những điều đó tạo nên nét mới mẻ trong việc khám phá hiện thực xã hội và bước đầu thể hiện hình tượng người phụ nữ.

Hình tượng người phụ nữ trong *Thánh Tông di thảo* được tác giả khắc họa khá chân thực. Tác giả đã bước đầu phản ánh được vẻ đẹp cũng như số phận của họ trong xã hội phong kiến. Họ đều là những người phụ nữ có dung nhan xinh đẹp, nhân phẩm tốt nhưng tình duyên đều trắc trở, hạnh phúc mong manh. Có một điều nổi bật ở những người phụ nữ ấy là họ ngời sáng đức hi sinh và lòng vị tha. Có thể nói, với cái nhìn nhân đạo này về người phụ nữ, Lê Thánh Tông đã góp phần khơi nguồn cho cảm hứng nhân văn nhân đạo trong văn học trung đại sau này như: văn học thế kỷ XVI với *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, thế kỷ XVIII - XIX với *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn và nhất là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du,... Ở những tác phẩm này, người phụ nữ đã trở thành nhân vật trung tâm của tác phẩm và thường hiện lên với vẻ đẹp tâm hồn cao quý cùng những khát vọng chân chính đáng ngợi ca.

3.2. Bước đầu phản ánh những tệ trạng trong hiện thực

Từ cuối thế kỉ XV, chế độ phong kiến bắt đầu có những biểu hiện suy thoái. Nếu trước đó, tinh thần dân tộc, tư tưởng “*trung quân ái quốc*” được đặt lên hàng đầu và văn học mang đậm tinh thần yêu nước sâu sắc với một loạt các tác phẩm như *Nam quốc sơn hà* (Lý Thường Kiệt), *Thuật hoài* (Phạm Ngũ Lão), *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi),... thì tình hình lịch sử lúc này đã có những thay đổi và văn học cũng đã có những bước chuyển mình. Văn học lúc này đã tập trung phản ánh “*những điều trông thấy*” đó. Cùng với các thể loại thơ, ký sự,... thể loại truyện kí cũng có những đóng góp nhất định trong việc thể hiện

các vấn đề của hiện thực đời sống khá độc đáo, hấp dẫn mang những nét đặc trưng riêng của thể loại văn học này. Lê Thánh Tông là người mở đầu khám phá hiện thực với những tệ trạng xã hội hiện lên khá sinh động, mới mẻ. Điều này được thể hiện trong tác phẩm *Thánh Tông di thảo* của nhà văn.

Đó là hiện thực xuống cấp về đạo đức của con người. Nhân vật ếch trong *Bài ký dòng dõi con thiềm thừ* đã phản ánh sự tha hóa đó của con người. Mượn chuyện viết về loài vật nhưng người đọc nhận ra hình ảnh của con người trong xã hội. Đó là chuyện về nhân ếch xuống trần gian “*mặc áo gấm hoa, dâm dục và bạo ngược. Rủ nhau đàn đúm khắp chốn sông hồ đồng nội. Cá, tôm, sâu bọ, nhiều con bị ếch sát hại...*” [4, tr.29]. Hình ảnh của ếch cũng chính là hình ảnh ẩn dụ về những kẻ quan tham trong xã hội. Đó là những kẻ sống trong nhung lụa nhưng lại có lối sống tha hóa, chỉ ham ăn chơi, hưởng lạc, không quan tâm đến mọi người xung quanh, thậm chí chúng còn nhẫn tâm hãm hại kẻ yếu, bắt bớ dân lành. Câu chuyện về ếch đã phản ánh chân thực xã hội phong kiến lúc bấy giờ qua lăng kính của hoàng đế Lê Thánh Tông.

Trong truyện *Hai phật cãi nhau* cũng bước đầu thể hiện đề tài phản ánh hiện thực sâu sắc. Với ngòi bút thần kì, tác giả đưa người đọc đến với thế giới của tượng Phật thật sống động. Nhà chùa vốn là nơi thanh tịnh, trong lành, là nơi ăn chay niệm phật, cầu cho chúng sinh được bình an may mắn. Tuy nhiên câu chuyện mà Lê Thánh Tông kể lại là câu chuyện về những tượng phật tranh giành ngôi vị, thứ bậc, tranh giành hưởng lộc cúng bái của dân. Phật Thích Ca thì nát rượu, say lão đảo. Trong khi đó, dân chúng đang chìm trong cảnh lụt lội, số phận ngàn cân treo sợi tóc vậy mà Phật đất và Phật gỗ lại ngồi đó tranh luận, khoe vị trí cao thấp, đổ lỗi cho nhau. Quả là chuyện đáng xấu hổ. Câu chuyện là sự đả kích mạnh mẽ đến nhà Phật nhưng cũng chính là hướng một phần đến bọn quan lại đương thời. Bọn chúng chỉ tranh

nhau kẻ công, tranh giành bổng lộc mà đâu biết rằng ngoài kia nhân dân đang đói khổ lầm than vì nạn lụt. Truyện có kết cấu ngắn gọn, hình ảnh khá sinh động, lời lẽ sắc sảo đồng thời bước đầu phản ánh được sắc thái của đời sống hiện thực.

Truyện *Trận cười ở núi Vũ Môn* và truyện *Lời phán xử cho anh điếc và anh mù* là những truyện ngụ ngôn mà có ý nghĩa phản ánh hiện thực sâu sắc. *Trận cười ở núi Vũ Môn* mặc dù kể về thế giới của loài vật như cua, lươn chạch, chép,... nhưng cũng chính là nói về con người. Đó là những kẻ khoác lác, tự đề cao mình còn thực tế lại hoàn toàn ngược lại để lại tiếng cười cho người đọc. Câu chuyện có pha tính hài hước, trào phúng nhưng lại có ý nghĩa phê phán hiện thực xã hội sâu sắc. Còn truyện *Lời phán xử cho anh điếc và anh mù* cũng phản ánh về những kẻ vốn có khiếm khuyết nhưng lại luôn tự đề cao mình, tự cho mình hơn người, hơn đời. Cả anh điếc và anh mù không ai chịu nhường ai. Cả ngày trời họ cãi nhau mà không phân thắng bại. Câu chuyện cũng chứa đựng tiếng cười trào phúng nhưng đồng thời cũng gửi đến người đọc bài học về cách sống, cách làm người sâu sắc.

Truyện người hành khất giàu đề cập đến người bình thường thuộc tầng lớp dưới trong xã hội. Câu chuyện phản ánh hiện thực về con người nghèo khổ nhưng lại đánh mất tự trọng. Đó là người ăn mày đã khéo lạy, khéo quỳ, khéo nịnh nhà chủ để được cho nhiều thứ. Điều đáng lên án là cái sự “khéo” mất tự trọng của người đàn bà này như: “*lên núi tìm lương, lần cửa xin nước, đến đâu mụ cũng khéo lạy, khéo quỳ, khéo ton hót gia chủ, nên bao giờ cũng kiếm được nhiều hơn các bạn hành khất khác*” [4, tr.34]. Đây cũng là một hiện thực đáng lên án. Không chỉ có vậy, tác giả còn kéo dài sự bất ngờ cho người đọc ở cuối truyện. Đó là sau khi mụ chết, người ta phát hiện dưới nền nhà của mụ có rất nhiều của cải, đủ để mụ sống sung túc. Thực tế cho thấy mụ còn là kẻ keo kiệt, bủn xỉn để rồi “*sống làm nghề ăn mày, chết cũng làm người*”

ăn mày, đem cả cái của mà suốt đời mình chấp tay cúi đầu, ăn trộm, lấy cắp phó cho cái lũ người không may may giúp đỡ cho mình khi còn sống” [4, tr.35]. Ở đây, Lê Thánh Tông nhắc đến “cái lũ người không may may giúp đỡ cho mình khi còn sống” [4, tr.35] đó chính là lũ hàng xóm của mục hành khất. Họ đã không may may quan tâm, giúp đỡ mục lúc khó khăn, đau ốm, thậm chí còn đuổi mục ra khỏi làng. Ấy vậy khi thấy của cải mục ăn mày có được đã chia nhau lấy hết về nhà. Đây đúng là bọn người “vô sỉ trong đám vô sỉ, ăn mày trong đám ăn mày” [4, tr.35]. Ngôi bút của nhà văn không chỉ dừng ở tầng lớp trên trong xã hội mà hướng đến những con người bản cùng nhất để từ đó có cách phản ánh chân thực và sinh động. Đó là tiếng nói phê phán về cách sống, cách ứng xử của một bộ phận nhân dân trong xã hội.

Như vậy có thể thấy, ngôi bút của Lê Thánh Tông bước đầu đã góp phần phản ánh hiện thực xã hội phong kiến với những tệ trạng, sự xuống cấp, tha hóa về mặt đạo đức. Thông qua ngôn ngữ trần thuật của tác giả hoặc ngôn ngữ đối loại của nhân vật, có thể nói tác giả đã khắc họa bức tranh hiện thực phong phú của xã hội đương thời. Dù chỉ qua đoạn văn hay lời đối thoại ngắn gọn nhưng những nét vẽ của bức tranh hiện thực ấy lại rất chính xác và chân thực, tạo được sự chú ý của người đọc.

Mặt khác, trong tác phẩm *Thánh Tông di thảo*, tác giả cũng bước đầu chú ý tới một hiện thực khác, đó là sự mất niềm tin của tầng lớp trí thức với xã hội như nhân vật nhà Nho già trong *Truyện hai gái thần*. Trong câu chuyện với hai người phụ nữ, một già một trẻ, nhà Nho nói: “Ta không phải là bọn thiếu niên ở Ngũ lăng, mà vốn là một nhà nho tài cao học rộng, buồn vì thời loạn không ra làm quan...” [4, tr.39]. Đây cũng chính là hiện thực một số nhà nho đương thời (có thể là thời kỳ trước khi Lê Thánh Tông lên ngôi) bất mãn trước thời thế họ lui về ở ẩn sống cuộc sống “lánh đục về trong”, xa lánh chốn danh

lợi bon chen. Câu nói của nhà nho già trong *Truyện hai gái thần* đã khắc sâu hiện thực ấy của một số nhà nho trong thời kỳ phong kiến. Phải chăng đó là những hiện thân của Nguyễn Trãi trước đây và Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ,... sau này? Những nhà nho khí phách ấy từng lui về ở ẩn và bộc lộ quan điểm sống “nhàn”. Họ lấy thiên nhiên làm bầu bạn, sống cuộc sống của một ẩn sĩ không quan tâm đến việc đời, chuyện đời. Vì vậy, trong *Gặp tiên ở hồ Lăng Bạc*, Lê Thánh Tông đã thể hiện tình yêu với thiên nhiên, khao khát được hòa cùng thế giới của trăng, nước, của sâm cầm. Khát vọng ấy của nhà vua đã được thể hiện trong bài phú: “Núi đá vừa tan/ Hồ Tây thành thú/ Cảnh ấy tình này/ Rày kim mai cổ./ Nhìn xa bóng núi bao trùm/ Ngó xuống gương hồ sáng tỏ/ Lẫn một sắc với vòm trời/ Ngậm muôn hình trong viễn phố/ Phong cảnh ưa người/ Yên quang ai chủ?/ Nhắm tháng tám buổi thanh thu/ Thả thuyền con mà ngoạn thưởng/ Lấp lánh trăng soi/ Hiu hiu gió thoảng...” [4, tr.129].

Quả là trăng thanh gió mát làm lay động lòng người! Nếu được chọn giữa chốn thanh bình, cảnh đẹp, sống an nhàn với một bên là cuộc sống nhiều bon chen, tranh giành, chiếm đoạt thì có lẽ ai cũng sẽ chọn nơi thanh tịnh, tận hưởng cảnh đẹp thiên nhiên. Tuy vậy, cuộc sống có nhiều điều không ai lường trước được. Quyền lực, vinh hoa đã làm mờ mắt con người. Nó giống một thứ bùa mê kéo con người lún sâu vào vòng danh lợi. Có mấy ai còn tìm về với thiên nhiên, sống cuộc đời bình dị, thanh đạm. Đó cũng là một hiện thực của xã hội phong kiến Việt Nam.

Cùng với việc phản ánh những tiêu cực trong xã hội, Lê Thánh Tông còn hướng ngôi bút phản ánh việc học. Trong *Truyện lạ nhà thuyền chài* kể chuyện vợ chồng nhà thuyền chài nọ có người con trai mười lăm tuổi mà không chịu đi học. Chàng trai tên Thúc Ngư hỏi cha:

“- Đi học là thế nào?

Cha nói:

Những lời nói và việc làm của thánh hiền đời xưa chép trong sách, có học mới biết mà bắt chước.

Thúc Ngự lại hỏi:

- Trong sách có cá không?

Cha rằng:

- Không.

Thúc Ngự lại hỏi:

- Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?

Cha nói:

- Lời nói chỉ là văn không, cá là vật thật, làm thế nào mà đánh được. Mà nói sao ngu thế?

Thúc Ngự nói:

- Trong sách đã không có cá, lời nói lại không thể đem đánh được cá, còn học làm gì?"

[4, tr.76-77].

Cuộc đối thoại của hai cha con Thúc Ngự đã phản ánh việc học một cách máy móc. Khi học cần vận dụng sáng tạo kiến thức để biến kiến thức đó trở nên có ý nghĩa trong cuộc sống. Nhưng trước câu hỏi của Thúc Ngự “Trong sách có cá không?”, “Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền có đánh được cá không?”, người cha cũng chỉ biết trả lời là “Không”. Điều này cho thấy khoảng cách giữa việc đọc sách thánh hiền và vận dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn. Đó cũng là hiện thực xã hội đáng lên án.

4. Kết luận

Qua những mặt phản ánh hiện thực, có thể thấy Lê Thánh Tông là một trong những tác giả đầu tiên chạm vào những mảng màu xám của bức tranh xã hội đương thời. Bức tranh ấy

giúp người đọc có những hình dung đầu tiên về xã hội phong kiến mở đầu cho sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực trong văn chương về sau. Đó là những đóng góp đáng ghi nhận của Lê Thánh Tông. Bằng cái nhìn mang dấu ấn cá nhân, Lê Thánh Tông đã góp cho thể loại truyện kì một luồng gió mới để những tác phẩm truyện ngắn văn xuôi tự sự nói chung, truyện kỳ nói riêng về sau phát triển đúng như Vũ Thanh nhận xét: *Thánh Tông di thảo* chính là “bước đột khởi trong tiến trình phát triển của thể loại truyện ngắn Việt Nam trung cổ” [5, tr.495]. Đây cũng chính là một trong những giá trị tiêu biểu mà Lê Thánh Tông đóng góp cho văn học Việt Nam trung đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. T. T. N. Ngo, "A few features of the art of character building in short stories of Vietnamese prose in X - XIV century," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 37, no. 1, pp. 24-28, 2006.
- [2]. D. N. Nguyen, *Vietnamese narrative prose in the medieval period*. Education Publishing House, 1999.
- [3]. T. T. N. Ngo, "About the aesthetic function of the legendary stories of the XV-XVI century," *Journal of Literary Research*, vol. 555, no. 5, pp. 51-60, 2018.
- [4]. T. T. Le, *Thanh Tong di thảo*, translated by B. N. Nguyen, revised by V. T. Nguyen and N. T. Do, introduced by S. T. Le and T. M. Ha, Culture Publishing House, Institute of Literature, 1963.
- [5]. T. Vu, "Thanh Tong di thảo - a breakthrough in the development process of the medieval Vietnamese short story genre," in *Le Thanh Tong on author and works*, Education Publishing House, 2007, pp. 495-503.